

Biểu mẫu báo cáo
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /10/2025 của UBND xã Trà Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Mã KB nơi giao dịch	Mã chương trình MQTG (nếu có)	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó												Đã nhập dự toán vào hệ thống Tabmis (đến hết ngày 31/8/2025)	Trong đó												Nguyên nhân chưa nhập dự toán vào hệ thống Tabmis
							Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh						Vốn ngân sách huyện chuyển về tỉnh, chuyển về xã						Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh						Vốn ngân sách huyện chuyển về tỉnh và chuyển về xã					
								Tổng số	XDCB tập trung	Xổ số	Nguồn xử lý nhà thuộc sở hữu nhà nước	Nguồn đất	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số	Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC)	Tổng số			XDCB tập trung	Xổ số	Nguồn xử lý nhà thuộc sở hữu nhà nước	Nguồn đất	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số	Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC)			
1	2	3	4	5	6	7=8+9+15	8	9=10+11+12+13+14	10	11	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19=20+21+27	20	21=22+23+24+25+26	22	23	24	25	26	27=28+29+30	28	29	30	31		
	Tổng cộng					13.502,56	3.604,45	6.432,00	6.432,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3.466,11	972,00	2.494,11	0,00	10.869,96	2.965,25	4.642,00	4.642,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3.262,71	972,00	2.290,71	0,00			
I	Kế hoạch vốn giao tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh					972,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	972,00	972,00	0,00	0,00	972,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	972,00	972,00	0,00	0,00			
1	Kênh N2VC3B	8121699	283			972,00		0,00						972,00	972,00			972,00		0,00						972,00	972,00					
II	Kế hoạch vốn giao tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh					0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
	dự án.....					0,00		0,00						0,00				0,00		0,00						0,00						
III	Kế hoạch vốn giao tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh					895,00	551,00	57,00	57,00	0,00	0,00	0,00	0,00	287,00	0,00	287,00	0,00	895,00	551,00	57,00	57,00	0,00	0,00	0,00	0,00	287,00	0,00	287,00	0,00			
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn 1, thôn 2 xã Nghĩa Sơn	8087595	311			895,00	551,00	57,00	57,00					287,00		287,00		895,00	551,00	57,00	57,00					287,00		287,00				
IV	Kế hoạch vốn giao tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh					11.635,56	3.053,45	6.375,00	6.375,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2.207,11	0,00	2.207,11	0,00	9.002,96	2.414,25	4.585,00	4.585,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2.003,71	0,00	2.003,71	0,00			
1	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung học cơ sở Nghĩa Lâm	8145149	073			225,00		180,00	180,00					45,00		45,00		225,00		180,00	180,00					45,00		45,00				
2	BTXM Tuyến đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS (giai đoạn 2)	8145148	292			400,00		320,00	320,00					80,00		80,00		400,00		320,00	320,00					80,00		80,00				
3	Đầu tư biển báo, biển chỉ dẫn, gỡ giảm tốc độ tại các tuyến đường thôn, ngõ xóm	8145147	312			450,00		360,00	360,00					90,00		90,00		450,00		360,00	360,00					90,00		90,00				
4	Đầu tư Hệ thống PCCC ở chợ thôn 1	8145146	312			450,00		315,00	315,00					135,00		135,00		450,00		315,00	315,00					135,00		135,00				
5	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non Nghĩa Lâm	8145145	071			500,00		400,00	400,00					100,00		100,00		500,00		400,00	400,00					100,00		100,00				
6	Tôn tạo Di tích vụ thảm sát thôn 2, xã Nghĩa Lâm	8145144	371			300,00		210,00	210,00					90,00		90,00		300,00		210,00	210,00					90,00		90,00				
7	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Nghĩa Lâm	8145143	072			1.000,00		800,00	800,00					200,00		200,00		1.000,00		800,00	800,00					200,00		200,00				
8	Đường Cầu Lâm 2- Trường THCS	8087801	292			836,52	547,52	0,00						289,00		289,00		836,52	547,52	0,00						289,00		289,00				
9	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 1)	8020224	292			40,00	40,00	0,00						0,00				40,00	40,00	0,00						0,00						
10	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 2)	8020238	292			40,00	40,00	0,00						0,00				40,00	40,00	0,00						0,00						
11	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 3)	8132171	292			609,30	487,40	0,00						121,90		121,90		609,30	487,40	0,00						121,90		121,90				
12	BTXM tuyến đường Ông Hồng đến đập 19/5	8132172	292			884,40	707,50	0,00						176,90		176,90		884,40	707,50	0,00						176,90		176,90				
13	Kiến cổ hóa kênh Đập Đồng Quang phía Tây - 6	8144333	283			900,00		720,00	720,00					180,00		180,00		900,00		720,00	720,00					180,00		180,00				
14	Đường BTXM Tuyến Hồ Dừa - Đồng Lâm	8144332	292			350,00		280,00	280,00					70,00		70,00		350,00		280,00	280,00					70,00		70,00				
15	Kênh N2-6-1-1 nổi dài	8139514	283			600,00		480,00	480,00					120,00		120,00		600,00		480,00	480,00					120,00		120,00				
16	Đường thôn tuyến Nghĩa địa Gò Xoài-Suối Chai	8139515	292			650,00		520,00	520,00					130,00		130,00		650,00		520,00	520,00					130,00		130,00				
17	Kênh N2-6-1-1	8084080	283			767,74	591,83	0,00						175,91		175,91		767,74	591,83	0,00						175,91		175,91				

